TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ KONTUM** **TỈNH KONTUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 09/01/2024.
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KONTUM, TỈNH KONTUM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Hồng Dung.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Chế Thị Mai và ông A BRưk.
Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Duyên – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum.
Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dũng – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum.

Ngày 09/01/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Kon Tum - tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 148/2023/TLST-HNGĐ ngày 18-10-2023, về việc: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/11/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh A B, sinh năm 1990. "Có mặt".
- Bị đơn: Chị Y P, sinh năm 1996 "Vắng mặt".

Cùng địa chỉ: Thôn P, phường N, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa thì anh A B trình bày:

Anh và chị Y P chung sống với nhau có tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, việc kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum vào ngày 29/7/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không có hạnh phúc thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau do bất đồng quan điểm; Năm 2017 chị P bỏ nhà đi từ đó đến nay. Vợ, chồng không ai quan tâm đến ai, việc ai người ấy làm, anh tự làm nuôi con, chị P không gửi tiền nuôi con. Anh B xác định tình cảm vợ, chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Y P để anh ổn định cuộc sống riêng và nuôi con.

Về con chung: Vợ, chồng anh sinh được 02 con chung là Y N, sinh ngày 05/8/2013 và A B1, sinh ngày 25/9/2016. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 con, không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm anh nhận chịu.

Tại bản trình bày ý kiến đề ngày 02/01/2024 thì bị đơn chị Y P trình bày:

Chị thừa nhận chị chung sống với anh A B có đăng ký kết hôn vào ngày 29/7/2014 tại Uỷ ban nhân dân phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Việc kết hôn là tự nguyện. Trong thời gian chung sống, vợ, chồng có nhiều mâu thuẫn nên năm 2017 chị đã bỏ nhà đi từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai; vợ, chồng không còn tình cảm với nhau, nay anh B xin ly hôn với chị, chị đồng ý. Về con chung, chị thừa nhận vợ, chồng sinh được 02 con chung là Y N và A B1, chị đồng ý giao con chung cho anh A B trực tiếp nuôi sau khi hôn, chị không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tòa án đã thông báo, triệu hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị P vắng mặt không có lý do.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:**

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện tốt các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật; Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Y P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị xét xử vắng mặt chị Y P.

- Về nội dung vụ án: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh A B. Anh A B được ly hôn với chị Y P. Vì hôn nhân đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Về con chung: Giao con chung là Y N, sinh ngày 05/8/2013 và A B1, sinh ngày 25/9/2016 cho anh A B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, chị Y P không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết; Án phí dân sự sơ thẩm anh A B phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. HĐXX xét thấy, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Kon Tum nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án thành phố Kon Tum giải quyết là đúng quy định của pháp luật; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa mà vẫn vắng mặt không có lý do nên xét xử vắng mặt bị đơn như đại diện VKS đề nghị là đúng pháp luật cần chấp nhận.

[2] *Về nôi dung vụ án:*

- Quan hệ hôn nhân: Anh A B và chị Y P chung sống với nhau có đăng ký kết hôn, việc kết hôn là tự nguyện, được xác định là hôn nhân hợp pháp.

- Xét nguyên nhân mâu thuẫn: Anh A B và chị Y P đều khai vợ, chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Năm 2017 chị P bỏ nhà đi từ đó đến nay. Vợ, chồng không ai quan tâm đến ai, việc ai người ấy làm, anh B tự làm nuôi con, chị P không gửi tiền nuôi con (BL 30). Anh B xác định tình cảm vợ, chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Y P để anh ổn định cuộc sống riêng và nuôi con; chị P cũng đồng ý ly hôn nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ, chồng anh A B và chị Y P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh A B là có căn cứ và đúng pháp luật. Anh A B được ly hôn với chị Y P.

- Về con chung: Vợ, chồng anh A B, chị Y P sinh được 02 con chung là Y N, sinh ngày 05/8/2013 và A B1, sinh ngày 25/9/2016. Xét thấy, từ khi chị P bỏ nhà đi anh B trực tiếp nuôi con, không có sự chăm sóc, góp tiền nuôi con của chị P nhưng anh B vẫn chăm sóc, nuôi dưỡng các con tốt; Nguyện vọng của các cháu được ở với anh B. Khi ly hôn anh B yêu cầu Tòa án giao cả 02 con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị P phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con; chị P đồng ý nhưng vắng mặt tại phiên tòa. HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của anh A B là có căn cứ và đúng pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm (Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm): 300.000 đồng, anh A B phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện đề ngày 29/9/2023 về tranh chấp: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" của nguyên đơn anh A B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh A B được ly hôn chị Y P.

2. Về con chung: Giao con chung là Y N, sinh ngày 05/8/2013 và A B1, sinh ngày 25/9/2016 cho anh A B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị Y P không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Chị Y P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân gia đình sơ thẩm) là: 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) anh A B phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh A B đã nộp theo biên lai số 0000521 ngày 18/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K, tỉnh Kon Tum. Anh A B đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09 tháng 01 năm 2024), nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh KonTum;
- VKSND TP KonTum;
- Chi cục THA dân sự TP KonTum;
- Các đương sự;
- UBND nơi thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Vũ Thị Hồng Dung